

SỰ QUAN HỆ GIỮA
LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

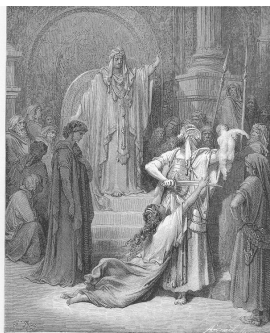
VUA SOLOMON XỬ ÁN

Vua Solomon đang ngồi ở phòng xử án, bỗng có hai con bọm vào phòng xử và đứng trước mặt vua khai, “Chúa tôi ơi! Người đàn bà này ở chung một nhà với tôi và tôi sinh đứa con trai. Sau ba ngày, người đàn bà này cũng để đứa con trai. Chỉ có hai chúng tôi ở chung với nhau, không có kẻ lạ nào ở với chúng tôi. Đứa con của bà này chết bởi vì bà ta đã nằm đè lên nó. Khoảng nửa đêm, bà ta thức dậy ôm đứa con của tôi vào lòng rồi đặt đứa bé chết vào lòng tôi. Sáng sớm khi thức dậy để cho con bú, tôi thấy nó đã chết. Tôi nhìn kỹ càng nhận thấy nó không phải là con của tôi.”

Rồi người đàn bà kia trả lời, “Đứa sống là con trai tao, đứa chết là con trai mày.”

Người đàn bà này nói, “Đứa chết là con trai mày, đứa sống là con trai tao.” Họ khai như thế trước mặt vua Solomon.

Với các sự kiện như vậy, hai bên tranh chấp đứa bé trai còn sống thỉnh nguyện vua phán xét. Chỉ có lời khai trái ngược của hai bên tranh tụng. Không có nhân chứng, chồng, bạn hữu và thân nhân ra khai trước Tòa. Phương pháp điều tra thời đó phần nhiều dựa vào sự sáng suốt và uyên bác của pháp quan. Nếu có đủ nhân chứng để ra Tòa đối chất, vua Solomon có thể tìm ra được sự thật cho thấy ai là kẻ khai gian.



*(Tác phẩm của Gustave Doré. Vua Solomon xử án.
In từ bản khắc trong Thánh Thư. 1866)*

Trước khi tuyên án, vua Solomon làm theo đúng thủ tục của luật Talmud, luật tôn giáo của Do Thái. Vua nhắc lại công khai lời khai của hai bên tranh tụng trước Tòa. Người này nói, “Đứa bé sống là con trai tao, đứa chết là con trai mày.” Người kia nói, “Đứa chết là con trai mày, đứa sống là con trai tao.” Nhắc xong lời khai trái ngược đó, bất thần vua Solomon ra lệnh, “Vậy, hãy đem cho ta một cây gươm.”

Vua đã làm đúng thủ tục phần đầu nhắc lại lời khai của hai bên tranh tụng nhưng phần sau ra lệnh cho đem cây gươm ra đã vi phạm luật Talmud, bị một số người chịu ảnh hưởng của luật Talmud chỉ trích. Luật tôn giáo của Do Thái cấm sự đe dọa để lấy lời khai của hai bên trước Tòa. Tuy nhiên, theo ý nghĩ của dân gian, một pháp quan lỗi lạc cần phải có những phương pháp trực tiếp, nhanh chóng và đặc biệt để tìm ra sự thật trong những vụ án khó khăn.

Khi vua Solomon ra lệnh cho đem cây gươm chỉ có mục đích quan sát hai người đàn bà để xem phản ứng của họ ra sao. Nếu là kẻ gian chắc người đàn bà giả đó sẽ tỏ ra có dấu hiệu sợ hãi; chỉ cần hỏi cung một hay hai câu, người đó sẽ thú nhận. Sự việc diễn ra không theo ý muốn của vua Solomon. Người đàn bà giả mạo rất ương ngạnh, gan lì và rất khôn ngoan, không hề tỏ ra sợ hãi gì cả.

Vua Solomon bèn ra lệnh, “Hãy chia đứa trẻ sống làm hai; phân nửa cho người này, phân nửa cho người kia.”



(Tác phẩm của Họa Sĩ Peter Paul Rubens. Vua Solomon xử án. 1615.1617. Tranh sơn dầu trên vải bố. Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Hoàng Gia, Copenhagen, Đan Mạch) __

Sự đe dọa của vua đã có hiệu quả mong muốn. Người mẹ đích thực của đứa bé vì xúc cảm và thương yêu con mình vội quỳ xuống tâu với vua, “Ôi, Chúa tôi! Xin hãy cho người kia đưa trẻ sống, chớ giết nó.”

Người đàn bà giả mạo kia nói, “Nó sẽ chẳng thuộc về tao mà cũng chẳng thuộc về mày; hãy chia nó đi.”

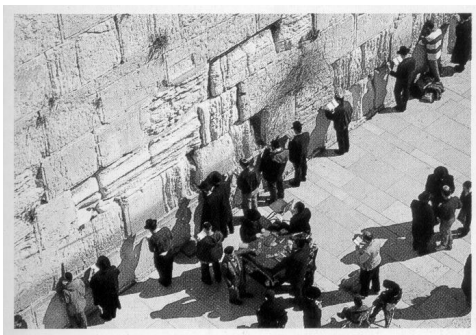
Nghe xong lời thỉnh nguyện của hai bên tranh chấp đứa bé trai còn sống, vua Solomon phán: “Người đàn bà xin cho đứa trẻ sống mới đích thực là mẹ nó. Chớ giết nó. Hãy giao đứa bé sống cho người đàn bà này.”

Lệnh, “Hãy đem cho ta một cây gươm.” (*Fetch me a sword*) nổi tiếng dưới triều đại vua Solomon của nước Do Thái (975- 933 trước Công Nguyên) được ghi trong Sách Thứ Nhất về các Vua, chương 3: đoạn 16 đến 28 (*First Book of Kings, 3: 16- 28*).

Vua Solomon không những nổi tiếng về vụ án đề cập ở trên mà còn được lịch sử tôn giáo nhắc nhở khá nhiều về vị vua thông thái này đã xây dựng Ngôi đền đầu tiên tại thành phố Jerusalem.

Ngôi đền Solomon hoàn tất vào năm 922 trước Công nguyên cho đến năm 586 trước Công Nguyên thì bị vua Babylon, Nebuchadnezzar, tàn phá và lưu đầy người Do Thái về Babylon. Tiếp đến, Nehemiah xây dựng lại những bức tường của cổ thành Jerusalem về hướng Tây vào năm

44 trước Công Nguyên. Sau này, quân La Mã xâm chiếm và phá hủy ngôi đền, nay chỉ còn sót lại những viên đá nằm ở bức “Tường Khóc Than” (*Le mur des Lamentations*) tại cổ thành Jerusalem (năm 70 sau Công Nguyên).



(Bức “Tường Khóc Than”)

Người Do Thái bị lưu đầy và phải đợi 1897 năm mới trở về cầu nguyện tại bức “Tường Khóc Than” trong trận chiến Sáu Ngày tháng 6 năm 1967. Người đầu tiên vào cổ thành Jerusalem cấm ngọn cờ Do Thái vào ngày thứ Tư mùng 7 tháng 6 năm 1967, trên trụ bức “Tường Khóc Than” là Trung úy Dù Yoram, theo sau binh sĩ Dù dưới quyền sĩ quan này đứng sau cầu nguyện và thề “*Sẽ không bao giờ để mất Jerusalem nữa. Không bao giờ. Không bao giờ.*”

Do Thái đã sát nhập Jerusalem và đặt thủ đô tại đây kể từ năm 1981.

Chú thích:

- David Werner Amram- From Leading cases in The Bible- “*The Murder of Babel*” & “*The Judgment of Solomon*”
- *The Complete Bible Handbook* by John Bowker- *Lightning out of Israel-The Arab-Israel Conflict by the Associated Press- Commemorative Edition*)

